

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025)**  
**LỚP K16A-D3B (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)**

|    |          |                |        | Số Đvht : 5 5 5 3           |     |             |      |             |     |            |                   |                                        |
|----|----------|----------------|--------|-----------------------------|-----|-------------|------|-------------|-----|------------|-------------------|----------------------------------------|
|    |          |                |        | Số thứ tự : (1) (2) (3) (4) |     |             |      |             |     |            |                   |                                        |
| TT | Mã số    | Họ và tên      |        | Ngày sinh                   | BC  | TCQLD - PCD | DLLS | QLTT-ĐB CLT | ĐTB | Xếp loại   | Kết quả rèn luyện | Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1) |
| 1  | 16011018 | Hoàng Thị Kim  | Ngân   | 22/08/2004                  | 7.7 | 7.7         | 6.8  | 7.7         | 7.5 | Khá        |                   |                                        |
| 2  | 16011018 | Phan Thị Hồng  | Ngát   | 11/12/2004                  | 6.8 | 2.9         | 3.8  | 7.2         | 5.0 | Trung bình |                   | 2=50.0%(2:0)                           |
| 3  | 16011019 | Bùi Thị Hồng   | Ngọc   | 07/01/2004                  | 0.0 | 0.0         | 0.0  | 0.0         | 0.0 | Yếu        |                   | 4=100.0%(2:0)(4:0)                     |
| 4  | 16011015 | Hoàng Hiền     | Nhi    | 19/05/2004                  | 7.7 | 8.2         | 7.4  | 8.2         | 7.8 | Khá        |                   |                                        |
| 5  | 16011010 | Trần Thị Ngọc  | Oanh   | 05/04/2003                  | 7.3 | 8.3         | 7.3  | 7.6         | 7.6 | Khá        |                   |                                        |
| 6  | 16011016 | Phạm Thị Kim   | Oanh   | 25/10/2004                  | 7.2 | 7.9         | 7.6  | 7.5         | 7.6 | Khá        |                   |                                        |
| 7  | 16011016 | Võ Thị Kim     | Oanh   | 12/12/2004                  | 7.3 | 8.1         | 7.1  | 7.6         | 7.5 | Khá        |                   |                                        |
| 8  | 16011010 | Lường Văn      | Phương | 12/11/2004                  | 7.0 | 7.4         | 7.2  | 7.1         | 7.2 | Khá        |                   |                                        |
| 9  | 16011009 | Nguyễn Thị Như | Quỳnh  | 12/04/2004                  | 6.7 | 8.1         | 7.2  | 6.9         | 7.3 | Khá        |                   |                                        |
| 10 | 16011010 | Trần Thị       | Quỳnh  | 15/01/2001                  | 7.3 | 8.1         | 7.5  | 7.6         | 7.6 | Khá        |                   |                                        |
| 11 | 16011016 | Phạm Thị Như   | Quỳnh  | 03/12/2004                  | 7.0 | 8.3         | 7.4  | 7.3         | 7.5 | Khá        |                   |                                        |
| 12 | 16011011 | Phạm Văn       | Tâm    | 04/08/2003                  | 7.2 | 8.5         | 7.2  | 7.3         | 7.6 | Khá        |                   |                                        |
| 13 | 16011012 | Nguyễn Thị     | Thắm   | 06/07/2004                  | 7.4 | 8.1         | 6.9  | 7.5         | 7.5 | Khá        |                   |                                        |
| 14 | 16011033 | Nguyễn Phương  | Thanh  | 04/10/2004                  | 7.8 | 7.7         | 6.8  | 7.5         | 7.4 | Khá        |                   |                                        |
| 15 | 16011015 | Hoàng Anh      | Thư    | 25/03/2004                  | 6.7 | 8.3         | 7.1  | 0.0         | 6.1 | T.bình khá |                   | 1=25.0%(4:0)                           |
| 16 | 16011015 | Hoàng Trung    | Thực   | 01/09/2004                  | 0.0 | 0.0         | 0.0  | 0.0         | 0.0 | Yếu        |                   | 4=100.0%(2:0)(4:0)                     |
| 17 | 16011014 | Nguyễn Duy     | Toại   | 01/09/2003                  | 3.5 | 8.0         | 6.9  | 0.0         | 5.1 | Trung bình |                   | 2=50.0%(4:0)                           |
| 18 | 16011009 | Nguyễn Thị     | Trang  | 26/10/2004                  | 6.7 | 7.8         | 6.9  | 7.6         | 7.2 | Khá        |                   |                                        |
| 19 | 16011017 | Nguyễn Quỳnh   | Trang  | 06/10/2004                  | 6.8 | 8.1         | 7.3  | 7.5         | 7.4 | Khá        |                   |                                        |

|    |          |                |       | Số Đvht :   |            | 5           | 5          | 5           | 3   |            |                   |                                        |
|----|----------|----------------|-------|-------------|------------|-------------|------------|-------------|-----|------------|-------------------|----------------------------------------|
|    |          |                |       | Số thứ tự : |            | (1)         | (2)        | (3)         | (4) |            |                   |                                        |
| TT | Mã số    | Họ và tên      |       | Ngày sinh   | BC         | TCQLD - PCD | DLLS       | QLTT-ĐB CLT | ĐTB | Xếp loại   | Kết quả rèn luyện | Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1) |
| 20 | 16011019 | Lương Thị Ngọc | Trang | 23/03/2004  | <u>0.0</u> | <u>0.0</u>  | <u>0.0</u> | <u>0.0</u>  | 0.0 | Yếu        |                   | 4=100.0%(2:0)(4:0)                     |
| 21 | 16011011 | Trần Thị       | Uyên  | 01/09/2004  | 7.7        | 7.9         | 7.3        | <u>0.0</u>  | 6.4 | T.bình khá |                   | 1=25.0%(4:0)                           |
| 22 | 16011014 | Nguyễn Thảo    | Vân   | 15/01/2004  | <u>0.0</u> | <u>0.0</u>  | <u>0.0</u> | <u>0.0</u>  | 0.0 | Yếu        |                   | 4=100.0%(2:0)(4:0)                     |
| 23 | 16011018 | Trần Thị Thúy  | Vân   | 01/10/2004  | 6.5        | 7.4         | 7.1        | 7.5         | 7.1 | Khá        |                   |                                        |
| 24 | 16011030 | Vũ Thị Thanh   | Vân   | 21/10/2004  | <u>0.0</u> | <u>0.0</u>  | <u>0.0</u> | <u>0.0</u>  | 0.0 | Yếu        |                   | 4=100.0%(2:0)(4:0)                     |
| 25 | 16011011 | Trần Anh       | Văn   | 27/01/2000  | 7.0        | 7.8         | 7.3        | 7.0         | 7.3 | Khá        |                   |                                        |
| 26 | 16011020 | Lê Hà          | Vi    | 29/03/2004  | 7.0        | 8.3         | 7.2        | 7.1         | 7.4 | Khá        |                   |                                        |
| 27 | 16011019 | Lê Thế         | Vinh  | 09/12/2004  | <u>0.0</u> | <u>0.0</u>  | <u>0.0</u> | <u>0.0</u>  | 0.0 | Yếu        |                   | 4=100.0%(2:0)(4:0)                     |

**Xếp loại học tập:** Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 0 (0.0%), Khá: 17 (63.0%), T.bình khá: 2 (7.4%), Trung bình: 2 (7.4%), Yếu: 6 (22.2%),  
**Xếp loại rèn luyện:** Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

*Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025*

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**TPHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Lê Thanh Sơn**

**Ghi chú:**

(1) BC: BẢO CHẾ

(2) TCQLD - PCD: TCQL DƯỠC VÀ PC DƯỠC

(3) DLLS: DƯỠC LÝ LÂM SÀNG

(4) QLTT-ĐBCLT: QL TỒN TRỮ VÀ ĐBCLT